

Bản án số: 04/2024/LĐ-PT

Ngày 26-9-2024

V/v tranh chấp đơn phương chấm dứt  
hợp đồng lao động

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Minh Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Chơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Biền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 05/2024/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc: Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2024/LĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Ngô Ngọc L, sinh năm: 1993. Địa chỉ cư trú: Khu đô thị B, đường N ấp B, Xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Trương L1, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số B, đường N (khu đô thị T), ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2024 (có mặt).

**- Bị đơn:** Văn phòng T. Địa chỉ trụ sở: Số B, đường N, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:** Ông Nguyễn Việt Q, sinh năm 1972. Chức vụ: Trưởng Văn phòng (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Bà Ngô Ngọc L là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Ngô Ngọc L do ông Trương L1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 01/3/2018 bà Ngô Ngọc L (nguyên đơn) ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) số 05/HĐLĐ-VPTPL không kỳ hạn với Văn phòng T (bị đơn), mức lương 4.000.000 đồng/tháng (đã trừ các khoản bảo hiểm), nhiệm vụ làm nhân viên văn phòng. Đến tháng 01/2022 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mức lương là 10.000.000 đồng/tháng.

Từ tháng 2/2023 đến ngày 25/5/2023, lương của nguyên đơn là 10.000.000 đồng/tháng x 04 tháng bằng 40.000.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ nhận được 26.361.239 đồng. Sau đó ông Nguyễn Việt Q la rầy nên ngày 26/5/2023 nguyên đơn viết đơn xin nghỉ việc. Đến ngày 14/7/2023 nguyên đơn vẫn chưa nhận Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động từ bị đơn nên nguyên đơn chưa xin việc làm mới và chưa nhận sổ bảo hiểm xã hội (bản chính). Theo tra cứu trực tuyến, thì bị đơn chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn 01 năm 07 tháng, thực tế nguyên đơn làm việc 05 năm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn được hưởng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số 05/HĐLĐ-VPTPL ngày 01/6/2021 giữa nguyên đơn với bị đơn.

- Buộc bị đơn trả bản chính sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Buộc bị đơn trả lương cho nguyên đơn từ tháng 6/2023 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động với số tiền 360.000.000 đồng; đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 6/2023 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động.

- Buộc bị đơn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Công khai xin lỗi nguyên đơn tại Văn phòng thừa phát lại. Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 200.000.000 đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại; Phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019 số tiền 31.200.000 đồng; Trả lương chênh lệch từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2022 số tiền 4.860.000 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2021 là 23.174.060 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021 là 6.815.900 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2022 là 11.700.000 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2022 là 19.836.900 đồng; Trả lương còn nợ tháng 02/2022 đến ngày 25/5/2023 với số tiền 15.509.961 đồng; Bồi thường trợ cấp thất nghiệp do bị đơn chậm ra thông báo lẽ ra nguyên đơn được nhận là 18.000.000 đồng.

*Ông Nguyễn Việt N - Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Từ tháng 9/2018 đến tháng 5/2021, bà Ngô Ngọc L đến xin thử việc tại Văn phòng thừa phát lại theo nguyện vọng cá nhân, không phát sinh giao kết HĐLĐ. Đến ngày 01/6/2021 Văn phòng thừa phát lại chính thức ký HĐLĐ 05/HĐLĐ-VPTPL với bà Ngô Ngọc L, mức lương 4.000.000 đồng/tháng, không phải 10.000.000 đồng/tháng.

Về thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động: Ngày 26/5/2023 nguyên đơn tự ý bỏ việc mà không thông báo lý do cho Văn phòng biết. Bà L đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Lao động, vi phạm hợp đồng không báo trước 45 ngày. Văn phòng sẽ thực hiện quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ với bà L theo điểm e khoản 1 và 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

*Từ nội dung trên, Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2024/LĐ-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động được xác lập ngày 01/6/2021 giữa Văn phòng T với bà Ngô Ngọc L.

Buộc Văn phòng T phải trả cho bà Ngô Ngọc L bản chính sổ bảo hiểm xã hội số 9622442795 do bà Ngô Ngọc L đứng tên.

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện bà Ngô Ngọc L về việc buộc Văn phòng T phải bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 200.000.000 đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại; Công khai xin lỗi nguyên đơn tại Văn phòng T; Phải trả lương cho nguyên đơn từ tháng 06/2023 đến nay số tiền 360.000.000 đồng; Phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019 số tiền 31.200.000 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2021 là 23.174.060 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021 là 6.815.900 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2022 là 11.700.000 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2022 là 19.836.900 đồng; Bồi thường trợ cấp thất nghiệp số tiền 18.000.000 đồng; trả lương chênh lệch từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2022 số tiền 4.860.000 đồng; trả lương còn nợ tháng 02/2022 đến ngày 25/5/2023 với số tiền 15.509.961 đồng và đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 6/2023 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động.

*Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn là bà Ngô Ngọc L kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2024/LĐ-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Việt Q không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2024/LĐ-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua xét hỏi, tranh luận của các đương sự, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là yêu cầu khởi kiện tranh chấp về chấm dứt hợp đồng lao động nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án lao động là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Ngô Ngọc L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là không khách quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 01/6/2021 nguyên đơn là bà Trương Ngọc L2 ký hợp đồng lao động số 05/HĐLĐ-VPTPL (gọi tắt là hợp đồng số 05) có thời hạn 12 tháng với bị đơn là Văn phòng thừa phát lại Cà Mau, mức lương 4.000.000 đồng/tháng, nhiệm vụ làm nhân viên văn phòng. Sau khi hết hạn hợp đồng này bà L2 vẫn tiếp tục làm việc đến tháng 02/2023 nhưng không ký kết hợp đồng nào mới sau này, nên bà L2 thuộc trường hợp đã chuyển sang hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 26/5/2023 nguyên đơn xin nghỉ việc.

[2.1] Nguyên đơn nêu lý do nghỉ việc là do: *“ông Q la rầy tôi quá mà la rầy trước đồng nghiệp trong Văn phòng nên chiều ngày 25/5/2023 tôi nhắn tin cho ông Q xin nghỉ 01 ngày, rồi nhắn tiếp xin nghỉ hết tuần sau thì ông Q nhắn lại chiều ngày 28/5/2023 họp sớm nên sáng thứ 2 tôi có mặt sớm thì ông Q tiếp tục la rầy trước mặt đồng nghiệp trong Văn phòng nên tôi có đơn xin nghỉ việc ký ngày 26/5/2023”*.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bà L2 đã gửi đơn xin nghỉ việc ngày 26/5/2023 cho bà D - Văn phòng T và đồng thời bà cũng nghỉ việc từ ngày gửi đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh, bị đơn không thừa nhận.

Tại biên bản trao đổi, làm việc với nhân viên Ngô Ngọc L ngày 26/7/2023, bà Nguyễn Thị Thùy D1 xác định “*chưa thấy L gửi đơn nào để xin nghỉ việc và bản thân phụ trách cũng không nhận đơn thư nào của L để nghỉ việc*”. Nguyên đơn cũng không có chứng cứ, tài liệu gì chứng minh đã gửi đơn cho Văn phòng T, bị đơn không thừa nhận có nhận đơn của bà L. Do vậy có căn cứ để xác định nguyên đơn tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật do đã vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày cho bị đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật lao động.

Hơn nữa đối chiếu với các quy định tại khoản 2 Điều 35 và khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động thì bà L cũng không thuộc các trường hợp có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên căn cứ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật lao động xác định trường hợp của bà L là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với lỗi hoàn toàn là do phía nguyên đơn bà L.

[2.2] Theo đó, tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật Lao động quy định: “*Nếu do lỗi của người lao động thì người đó không được trả lương*” và Điều 40 Bộ luật Lao động quy định người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: “*Không được trợ cấp thôi việc; Phải bồi thường cho người sử dụng lao động nửa tháng tiền lương...; Phải hoàn trả kinh phí đào tạo nếu có*”. Như đã nhận định nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với lỗi hoàn toàn của phía nguyên đơn, nên bị đơn không phải chi trả thêm cho nguyên đơn bất cứ khoản nào phát sinh sau tháng 6/2023 đến nay. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lương từ tháng 06/2023 đến nay với số tiền 360.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019; từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2021, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà L thử việc ở Văn phòng T từ tháng 01 năm 2018, nhưng Văn phòng T không làm hợp đồng lao động có nội dung thử việc hoặc giao kết hợp đồng thử việc là lỗi của người sử dụng lao động là Văn phòng T. Mặc khác trường hợp của bà L thuộc đối tượng thử việc với thời gian không quá 60 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 2 Điều 25 Bộ luật Lao động năm 2019. Nếu sau thời gian thử việc theo quy định bà L vẫn tiếp tục làm việc cho Văn phòng T thì thuộc trường hợp phải ký kết hợp đồng lao động giữa Văn phòng thừa phát lại với bà L nhưng Văn phòng T vẫn không giao kết hợp đồng lao động chính thức với bà L là không đúng quy định. Do vậy việc không ký kết hợp đồng lao động theo quy định là lỗi của người sử dụng lao động làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà L trong khi thực tế thời gian này bà L vẫn tiếp tục làm việc tại Văn phòng thừa phát lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà L có cung cấp thêm tài liệu là các văn bản quyết toán thuế của Văn phòng thừa phát lại, là đơn vị chi trả thu nhập cho bà L trong thời gian trên và phía bà L cũng đã đóng thuế thu nhập đầy đủ.

Do vậy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà L là chưa phù hợp nên có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của bà L sửa Bản án sơ thẩm buộc Văn phòng T đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định cho bà L là phù hợp.

Do thời gian này giữa hai bên không giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản nên không xác định được mức lương chính của bà L làm căn cứ đóng bảo hiểm và lỗi này do phía Văn phòng thừa phát lại nên căn cứ mức lương chính theo Hợp đồng lao động ngày 01/6/2021 và Văn bản số 496 ngày 26/4/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh C xác định với mức lương 4.000.000 đồng/tháng làm căn cứ mức đóng các khoản bảo hiểm theo quy định cho bà L là có lợi cho người lao động và cũng phù hợp với thực tế quá trình làm việc của bà L tại Văn phòng thừa phát lại.

[2.4] Xét yêu cầu đóng bảo hiểm từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021 thấy rằng:

Đây là thời điểm đại dịch C bùng phát tại Việt Nam nên các doanh nghiệp phải ngừng hoạt động kinh doanh. Tại Điều 88 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: *“Trong trường hợp người sử dụng lao động gặp khó khăn phải tạm dừng sản xuất, kinh doanh dẫn đến việc người lao động và người sử dụng lao động không có khả năng đóng bảo hiểm xã hội thì được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất trong thời gian không quá 12 tháng”*. Tại Điều 16 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định: *“Các trường hợp tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất: a) Tạm dừng sản xuất, kinh doanh từ 01 tháng trở lên do gặp khó khăn khi thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc do khủng hoảng, suy thoái kinh tế hoặc thực hiện chính sách của Nhà nước khi tái cơ cấu nền kinh tế hoặc thực hiện cam kết quốc tế; b) Gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa”*. Do đó theo tra cứu quá trình đóng bảo hiểm xã hội của nguyên đơn thì bị đơn không đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn 04 tháng là ít hơn so quy định pháp luật 12 tháng là phù hợp.

[2.5] Đối với các khoản bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 200.000.000 đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại; Công khai xin lỗi nguyên đơn tại Văn phòng T.

- Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải công khai xin lỗi nguyên đơn tại Văn phòng thừa phát lại: Như đã nhận định trên do bà L đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, bị đơn hoàn toàn không có lỗi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn xin lỗi công khai nguyên đơn tại Văn phòng thừa phát lại.

- Đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra lý do ông Nguyễn Việt Q – Trưởng Văn phòng thừa phát lại la rầy nguyên đơn quá mức nhưng không chứng minh ông Q la rầy như thế nào, cũng như không chứng minh được lỗi của ông Quang dẫn đến bị đơn tổn thất tinh thần. Do vậy không có căn cứ xác định nguyên đơn bị ảnh hưởng về tinh thần, danh dự, nhân phẩm. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho bà

L là phù hợp, đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định rút yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và công khai xin lỗi nguyên đơn tại Văn phòng Thừa phát lại. Bị đơn đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và công khai xin lỗi tại Văn phòng Thừa phát lại của nguyên đơn.

[2.6] Đối với yêu cầu trả lương chênh lệch từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2022 số tiền 4.860.000 đồng và trả lương còn nợ tháng 02/2022 đến ngày 25/5/2023 với số tiền 15.509.961 đồng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định mức lương thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn là 10.000.000 đồng là căn cứ vào tin nhắn giữa ông Nguyễn Việt Q – Trưởng Văn phòng thừa phát lại gửi cho nguyên đơn ngày 20/11/2022 với nội dung: “M đi làm nhe!!! 10tr/thang, thang nào thiếu, được truy lãnh!!! Há!!!”. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Q xác định là tiền của cá nhân ông Q cho riêng nguyên đơn, không phải của bị đơn Văn phòng thừa phát lại. Căn cứ vào Hợp đồng số 05 thể hiện mức lương bị đơn chi trả cho nguyên là 4.000.000 đồng/tháng làm cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng số 05 thể hiện: “Hỗ trợ khác tăng thêm, thu nhập...hàng tháng ngoài mức tiền lương cơ bản người sử dụng lao động hỗ trợ thêm tiền xăng xe, tiền cơm, điện thoại...”. Như vậy, ngoài hợp đồng này thì giữa nguyên đơn với bị đơn không có văn bản nào thỏa thuận mức lương 10.000.000 đồng/tháng như nguyên đơn trình bày. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà L là có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L, sửa Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[4] Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Văn phòng T phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Ngọc L không phải chịu theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Ngọc L đối với yêu cầu đóng các khoản bảo hiểm theo quy định từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019; từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2021.

Sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 02/2024/LĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Hủy và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Ngọc L về việc buộc Văn phòng T phải bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 200.000.000 đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại; Công khai xin lỗi nguyên đơn tại Văn phòng T.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động được xác lập ngày 01/6/2021 giữa Văn phòng T với bà Ngô Ngọc L.

3. Buộc Văn phòng T phải đóng các khoản bảo hiểm theo quy định từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019; từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2021 cho bà Ngô Ngọc L với mức lương 4.000.000 đồng/tháng làm căn cứ xác định mức đóng.

4. Buộc Văn phòng T phải trả cho bà Ngô Ngọc L bản chính sổ bảo hiểm xã hội số 9622442795 do bà Ngô Ngọc L đứng tên.

5. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện bà Ngô Ngọc L về việc buộc Văn phòng T phải trả lương cho nguyên đơn từ tháng 06/2023 đến nay số tiền 360.000.000 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021 là 6.815.900 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2022 là 11.700.000 đồng; Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2022 là 19.836.900 đồng; Bồi thường trợ cấp thất nghiệp số tiền 18.000.000 đồng; trả lương chênh lệch từ tháng 01/2020 đến tháng 01/2022 số tiền 4.860.000 đồng; trả lương còn nợ tháng 02/2022 đến ngày 25/5/2023 với số tiền 15.509.961 đồng và đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 6/2023 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động.

6. Về án phí:

- Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Văn phòng T phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

- Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Ngọc L không phải chịu theo quy định.



Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Châu Minh Hoàng**